TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **448**/2026/DS-PT
Ngày: 10/9/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Bà Trần Thị Trâm Anh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Lê Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Văn Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 499/2026/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2026, về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 86/2026/DS-ST ngày 15/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 471/2026/QĐPT-DS ngày 19 tháng 08 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc K, sinh năm 1982. Có mặt.

CCCD số: 091182011694.

Địa chỉ: Số A, tổ H, Ấp C, xã H, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Bích L, sinh năm 1984. Có mặt.

CCCD số: 091184010954.

Địa chỉ: Số I, tổ E, Ấp Đ, xã H, tỉnh An Giang.

3. Người kháng cáo: Bà Đặng Thị Bích L - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn bà Trần Ngọc K trình bày: Trước đây bà với bà Đặng Thị Bích L quen biết và chơi thân, nên có làm ăn qua lại với nhau. Từ năm 2016

đến năm 2018, bà L vay của bà nhiều lần tổng số tiền 240.000.000 đồng, bà L đã trả được số tiền gốc là 100.000.000 đồng, còn lại 140.000.000 đồng gồm các biên nhận sau: Biên nhận ngày 13/7/2016 vay số tiền là 50.000.000 đồng, Biên nhận ngày 27/7/2016 vay số tiền là 60.000.000 đồng và Biên nhận ngày 23/9/2016 vay số tiền là 30.000.000 đồng. Các lần vay tiền, bà L đều ký nhận nợ. Khi vay thì bà L nói là xoay sở công việc gia đình, hai bên có thoả thuận lãi suất 3%/tháng. Bà L có đóng lãi được một thời gian, với tổng số tiền là 147.900.000 đồng (bao gồm cả chuyển khoản và tiền mặt). Số tiền lãi này bà L đóng lãi đối với toàn bộ tiền vay gốc là 240.000.000 đồng. Từ khi dịch covid 19 bùng phát bà L không đóng lãi, sau dịch covid bà L có đóng thêm được khoảng mấy tháng tiền lãi rồi ngưng.

Nay yêu cầu bà L phải trả cho bà số nợ gốc là 140.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nữa.

- ***Theo bị đơn bà Đặng Thị Bích L trình bày****:* Từ năm 2016 - 2018 bà có vay tiền của bà K từng khoản tiền khác nhau, có lần 50 triệu đồng, 15 triệu đồng, 60 triệu đồng..., cứ mượn rồi trả, hết rồi có việc kẹt bà lại vay để giải quyết khó khăn kinh tế gia đình. Trong quá trình vay bà đã rất nhiều lần trả tiền cho bà K bằng những hình thức khác nhau, có khi xuống nhà trả tiền mặt, có khi chuyển khoản ngân hàng vượt quá số tiền gốc ban đầu rất nhiều. Có khi những số tiền vay trả xong bà không lấy lại giấy vay tiền đã ký để xé bỏ. Tuy nhiên bà K liên tục tính lãi chồng lãi, cộng dồn tiền lãi qua từng kỳ, khiến số tiền ngày một tăng cao, vượt qua khả năng tài chính của bà và vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật. Sau khi bà K thấy bà gặp khó khăn không còn khả năng tiếp tục trả thì bà K tự ý chuyển khoản lãi chồng đó nói là thiếu tiền gốc rồi tự ý chuyển qua kêu bà trả theo hình thức đóng hụi. Việc chuyển tiền lãi chồng lãi qua hụi là tự ý của bà K.

Hiện nay hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, bà không còn khả năng để trả tiếp tục số liền nợ lãi chồng lãi đó nữa. Bà yêu cầu Toà án xem xét lại toàn bộ quá trình vay và trả tiền giữa bà với bà K, khấu trừ toàn bộ số tiền bà đã vay vượt lãi suất quy định của pháp luật vào tiền gốc; không công nhận phần lãi vượt theo quy định theo điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Do thời gian cận tết nên bà xin thêm thời gian sau tết để bà sao kê tài khoản ngân hàng M và S làm chứng cứ thêm về việc đã chuyển trả tiền cho bà K.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2026/DS-ST ngày 15/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang đã xét xử, quyết định:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc K. Buộc bà Đặng Thị Bích L có trách nhiệm trả cho bà Trần Ngọc K số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 27/7/2026 bà Đặng Thị Bích L có đơn kháng cáo*:* Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của bà K về việc buộc bà trả tiền gốc là 140.000.000đ. Không đồng ý việc bà K tính lãi chồng lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

- *Nguyên đơn trình bày*: Yêu cầu giữ nguyên như bản án sơ thẩm. bà chỉ yêu cầu bà L trả nợ, không yêu cầu người liên quan nào khác.

- *Bị đơn trình bày*: Không nhớ đã trả được bao nhiêu tiền lãi, tiền gốc thì trả rồi nhưng có khi trả bằng tiền mặt, có khi chuyển khoản, nhưng do không có tiền trả chi phí sao kê nên nên không cung cấp chứng cứ sao kê trả tiền cho Tòa. Do nghĩ chị em quen biết nên khi trả gốc không lấy biên nhận nợ lại còn tiền lãi thì trả lãi chồng lãi nhưng không nhớ là đã trả bao nhiêu. Do đã trả rồi nên không đồng ý trả nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang nêu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và ý kiến về hướng giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm nhận định và xét xử là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2026/DS-ST, ngày 15/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về nội dung vụ án:* Theo "*Giấy vay tiền ngày 13/7/2016 âm lịch –* (BL 35)", bà L ký và ghi họ tên tại vị trí "người vay tiền", nội dung như sau: bà L vay bà K số tiền là 50.000.000đ, lãi là 3%/tháng, đóng lãi hàng tháng, thời hạn là 1 năm. Đồng thời, cũng trong biên nhận này, ghi ngày 27/7/2016 âm lịch bà L có mượn thêm của bà K 60.000.000đ (không ghi tiền lãi); Theo "*Biên nhận ngày*

23/9/2016 – (BL 36)", bà L ký và ghi họ tên tại vị trí "người mượn", nội dung biên nhận như sau: bà L có mượn bà K số tiền là 25.000.000đ, lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 5 tháng, biên nhận còn ghi thêm cộng (+) 5.000.000đ bằng (=) 30.000.000đ và bà L có ký vào tại vị trí số tiền 30.000.000đ.

Nay bà K yêu cầu bà L trả tổng số tiền nợ gốc là 140.000.000đ và không yêu cầu tính lãi; Còn bà L thì không thừa nhận có nợ và yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã đóng.

[3] *Xét kháng cáo của Đặng Thị Bích L, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy như sau*: Căn cứ vào chứng cứ như nêu trên thì bà L có ký vay, mượn của bà K tổng số tiền gốc là 140.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà L không cung cấp chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố về việc xem xét cấn trừ tiền lãi vào số tiền nợ gốc, vì vậy cấp sơ thẩm không có cơ sở để giải quyết. Hơn nữa, bà K cũng không yêu cầu tòa án giải quyết về số tiền lãi.

Xét thấy, bà L thừa nhận có vay mượn tiền với bà K nhiều lần và cho rằng đã trả hết nợ gốc và trả lãi, nhưng bà L không cung cấp chứng cứ chứng minh. Trong khi đó bà K vẫn còn giữ bản gốc giấy biên nhận nợ chứng minh bà L vay mượn với tổng số tiền nợ gốc là 140.000.000đ. Do bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc đã trả hết nợ cho bà K, nên HĐXX phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L cung cấp được một số tài liệu là bản photo nên không có giá trị pháp lý để xem là chứng cứ, hơn nữa trong các tài liệu này có ghi nhiều chữ và số nhưng không có nội dung nào là thể hiện trả nợ gốc và lãi theo các biên nhận như bà K cung cấp nên không có cơ sở để HĐXX xem xét.

Đối với việc bà L cho rằng đã trả tiền lãi cao vượt nợ gốc thì có quyền yêu cầu để được xem xét giải quyết trong vụ án khác. Do tại cấp sơ thẩm bà K không yêu cầu tiền lãi và bà L cũng không có yêu cầu phản tố, nên không giải quyết trong vụ án này.

[4] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm xét xử là có cơ sở. Thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của bà L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2026/DS-ST, ngày 15/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang.

[5] *Về án phí dân sự:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Giữ nguyên như bản án sơ thẩm tuyên.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Số tiền là 300.000đ. Buộc bà Đặng Thị Bích L phải nộp. Theo đó, được khấu trừ vào tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ

theo lai thu số 0001766 ngày 30/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã thực hiện xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều: 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị Bích L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2026/DS-ST, ngày 15/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc K.

Buộc bà Đặng Thị Bích L phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Trần Ngọc K số tiền là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Về án phí dân sự:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm*:

Bà Đặng Thị Bích L phải chịu án phí với số tiền là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng)**.**

Bà Trần Ngọc K được nhận lại tạm ứng án phí với số tiền là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009023 ngày 18/11/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Số tiền là 300.000đ. Buộc bà Đặng Thị Bích L phải nộp. Theo đó, được khấu trừ vào tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ theo lai thu số 0001766 ngày 30/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã thực hiện xong).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 4 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Vân